

Bản án số: 13/2019/KDTM-ST

Ngày 18 tháng 7 năm 2019

*“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán
theo Hợp đồng kinh tế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Lê Thị Thanh B

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn K

2. Bà Đào Tuyết T

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị K-Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST – KDTM ngày 21 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty CP L; địa chỉ: Số 49B đường P, Phường A, quận N, TP C; do ông Lê Văn H - Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người được uỷ quyền: Ông Phạm Đăng Việt A – phụ trách văn phòng công ty – theo (Giấy uỷ quyền số 07/UQ-L ngày 22/3/2019)- Có mặt)

* **Bị đơn:** Tổng Công ty G; trụ sở: Số 25^A phố K, phường P, quận H, Hà Nội; do ông Nguyễn Việt Đ - Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật

Người được uỷ quyền: Ông Nguyễn T – Quyền Trưởng Ban Quản lý dự án Nhà máy N– theo (Giấy uỷ quyền số 43/UQ-G ngày 28/3/2019) – (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại các đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2017; ngày 24/4/2018 và bản tự khai, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/11/2007 Công ty A (nay là L) có ký kết hợp đồng số 100/HĐ-XD với Công ty TNHH một thành viên Đ, về việc: Cung cấp và lắp dựng kết cấu thép. Ngày 20/01/2010 Công ty CP L ký với Tổng Công ty G hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa

vụ trong hợp đồng số 01/HĐ-GVN.HN. Giá trị quyết toán của gói thầu “Cung cấp và lắp dựng kết cấu thép” là: 17.597.642.109 đồng; Tổng số tiền đã thanh toán là: 17.136.357.816 đồng. Số còn lại phải thanh toán là: 461.284.293 đồng (có bảng đối chiếu công nợ của Tổng công ty G ngày 31/12/2018).

Quá trình triển khai thi công, Công ty CP L đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng và đã bàn giao công trình cho Tổng Công ty G. Tuy nhiên cho đến nay, Tổng công ty G đã vi phạm điều khoản thanh toán đã được thỏa thuận ký kết giữa hai bên (Điều 7, hợp đồng số 100/HĐ-XD), Công ty CP L đã nhiều lần trao đổi trực tiếp cùng lãnh đạo Tổng công ty G và gửi rất nhiều văn bản nhắc nợ nhưng Tổng công ty G vẫn không thanh toán và đưa ra lý do vì dự án nhà máy N đang tạm dừng theo thông báo số 195/TB-VPCP ngày 12/05/2014 của Chính phủ nên không có nguồn tiền trả nợ, đồng thời cố tình kéo dài không thanh toán. Vì vậy Công ty L khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H yêu cầu Tổng công ty G phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 461.284.293 đồng và nợ lãi là: 738.596.287 đồng (tính từ ngày 04/01/2013 đến khi khởi kiện; áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm hiện tại). Số tiền nợ trên sẽ được thay đổi theo tình trạng thanh toán thực tế của Tổng Công ty G (được tính đến thời điểm thanh toán thực tế). Tổng cộng là: 1.199.880.580 đồng.

*** Bị đơn - Tổng Công ty G do ông Nguyễn Thành đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Bị đơn đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, không có ý kiến gì việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, và xác nhận nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn số tiền nợ gốc là 461.284.293 đồng, nhưng không đồng ý với số nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu.

Lý do Tổng Công ty G chưa có khả năng thanh toán khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hiện nay Tổng công ty G cũng bị rất nhiều cá nhân, tổ chức nợ tiền. Bị đơn không có yêu cầu phản tố gì đối với nguyên đơn. Đồng thời, chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn số tiền 461.284.293 đồng; không yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì hai bên đã có biên bản thanh lý hợp đồng ngày 19/9/2012 và đã chốt lại điều khoản thưởng, phạt hợp đồng là: «Không thưởng, phạt hợp đồng », nguyên đơn căn cứ điều 14.2.a của hợp đồng số: 100/HĐ-XD và điểm 4: Thưởng phạt hợp đồng để tính lãi là không chính xác.

Tại phiên tòa,

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Phạm Đăng Việt A vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và sửa đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi như sau:

“Buộc Tổng công ty G thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế số 100/HĐ-XD, ngày 05/11/2007 tính đến ngày 18/7/2019 là:

- Tiền nợ gốc: 461.284.293 đồng
- Tiền nợ lãi là: 272.042.413 đồng

(tính từ ngày 01/02/2013 đến ngày 18/7/2019; áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm hiện tại là 9%).

Tổng cộng: 733.326.706 đồng.

và khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc nêu trên từ sau ngày 18/7/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc”.

Khoản tiền lãi phát sinh trên mà nguyên đơn yêu cầu được căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế số 100/HĐ-XD ngày 05/11/2007, các yêu cầu khởi kiện khác không thay đổi. Nguyên đơn khẳng định việc đòi nợ gốc và nợ lãi là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Nguyễn T xác nhận Tổng công ty G hiện nay còn nợ của Công ty L số tiền nợ gốc là: 461.284.293 đồng và cho rằng việc chậm thanh toán số tiền nợ gốc trên là do chưa xác định được thời gian thanh toán vì các lý do sau: Căn cứ thông báo của số 195/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 12/5/2014 về việc dừng đầu tư và tiến hành nhượng bán, thanh lý dự án: Nhà máy N; căn cứ Công văn 7321/VPCP-KTTH, ngày 01/9/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc: Triển khai bán đấu giá dự án, sau bán đấu giá thành công sẽ xử lý các khoản nợ phải trả theo quy định hiện hành. Với 02 văn bản trên của Chính phủ dự án không có nguồn để thanh toán phải chờ sau khi bán đấu giá thành công mới có nguồn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả. Hiện nay Tổng công ty G vẫn đang tiếp tục bán đấu giá dự án lần 2, khoảng tháng 6/2019 sẽ thông báo đấu giá trên các phương tiện truyền thông. Còn đối với khoản tiền lãi: 738.596.287 đồng trước đây và tại phiên tòa hôm nguyên đơn rút lại còn 272.042.413 đồng thì Tổng công ty G không chấp nhận bởi lẽ:

- Căn cứ điều 14.2.a của hợp đồng số: 100/HĐ-XD ngày 05/11/2011 giải thích về thưởng, phạt hợp đồng có ghi rõ: Tại biên bản thanh lý hợp đồng ngày 19/9/2012: Do lỗi chậm tiến độ của bên B và một số điều kiện thi công gặp khó khăn, hai bên đã thống nhất chốt biên bản thanh lý hợp đồng là không thưởng phạt hợp đồng.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 280, 440, 351, 355 Bộ luật Dân sự 2015, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng kinh tế số: 100/HĐ-XD ngày 05/11/2011; không chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Xét thấy, tại Điều 10 trong Hợp đồng kinh tế số: 100/HĐ-XD ngày 05/11/2007 được ký kết giữa bên B Công ty A (nay là L) có trụ sở tại: đường số 2 khu Công nghiệp N (sau đây gọi tắt là L) với bên A (Công ty TNHH một thành viên Đ) (sau này là Tổng Công ty G gọi tắt là “Vinapaco” có trụ sở tại số 25A K, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội), các bên có thỏa thuận:

“...Trường hợp thương thảo vẫn không đi đến thống nhất, thì mỗi bên đều có quyền đưa đơn đến Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết”.

Tuy nhiên, do Tổng công ty G có trụ sở tại 25A phố K, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội, nên nguyên đơn đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đồng thời hai bên cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận H thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế” là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hiệu: Căn cứ vào điều 319 Luật thương mại 2005 thì thời hiệu khởi kiện là 02 năm, các đương sự chốt công nợ lần cuối vào ngày 31/12/2018 do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn, mặt khác các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015,

1.3. Về việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[2]Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 05/11/2011 Công ty Cổ phần cơ khí LCOGI 16 (nay là L) có trụ sở tại số đường số 2 khu Công nghiệp Nhơn Trạch 12 Đồng Nai (sau này là L) và Công ty TNHH một thành viên Đ (sau này là Tổng Công ty G gọi tắt là “Vinapaco”) có trụ sở tại số 25 K, phường P, quận H, Hà Nội đã ký hợp đồng kinh tế số 100/HĐ-XD ngày 5/11/2007 về việc: Cung cấp và lắp dựng kết cấu thép; Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng số 01/HĐ-GVN.HN ngày 20/1/2010 và các phụ lục hợp đồng của hợp đồng số 01/HĐ-GVN.HN gồm: số 01/PLHĐ-01 ngày 20/4/2010; số 03/PLHĐ-01 ngày 11/4/2010; số 04/PLHĐ - 01 ngày 22/11/2010; số 05/PLHĐ-01 ngày 28/12/2010.

- Giá trị hợp đồng là: 17.597.642.109 đồng;
- Tổng số tiền đã thanh toán là: 17.136.357.816 đồng.
- Số còn lại phải thanh toán là: 461.284.293 đồng.

Xét nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng kinh tế là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với các quy định của pháp luật về kinh doanh thương mại tại Luật thương mại năm 2005; Ngày 31/12/2018 hai bên đã

lập Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ và cùng xác nhận Tổng công ty G còn nợ Công ty Cổ phần L số tiền: 461.284.293 đồng.

Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện của bị đơn cũng xác nhận hai bên đã ký Hợp đồng kinh tế, hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, các phụ lục hợp đồng như nguyên đơn trình bày là đúng, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 461.284.293 đồng.

Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận các tình tiết trên là có thật và hợp pháp.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cả nguyên đơn và bị đơn đều không thống nhất được với nhau về phương thức thanh toán do đó buộc Tổng công ty G phải thanh toán cho L số tiền còn nợ của hợp đồng kinh tế số 100/HĐ-XD là 461.284.293 đồng hoàn toàn phù hợp với Điều 50 Luật thương mại; điều 280, 351, 355, 440, Bộ luật Dân sự 2015.

- Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là: 738.596.287 đồng. Song tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã rút xuống còn là: 272.042.413 đồng. Còn bị đơn – Tổng công ty G không chấp nhận trả lãi vì lý do hai bên đã thống nhất chốt biên bản thanh lý hợp đồng là: Không thưởng, phạt hợp đồng

Xét thấy: Mặc dù tại điểm a Điều 14: Thưởng, phạt hợp đồng của hợp đồng số 100HĐ-XD ngày 05/11/2007 quy định:

“a. Nếu bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của điều 7 thì phải bồi thường cho bên B số tiền lãi, tính theo lãi xuất ngân hàng trên số tiền chậm thanh toán;”.

Nhưng tại mục số 4 của Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 19/9/2012, thì: *“Sau khi xem xét hai bên thống nhất không thưởng, phạt hợp đồng”*.

Hơn nữa, tại công văn số 101/A ngày 15/12/2017 của Công ty CP L gửi Tổng công ty G và nhà máy N v/v đề nghị thanh toán công nợ có ghi:

“ Công ty CP L đề nghị Tổng công ty G thanh toán cho chúng tôi số tiền cụ thể như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| a. Giá trị quyết toán của hợp đồng (đã kiểm toán): | 17.557.319.271 đồng |
| b. Giá trị đã thanh toán: | 17.096.034.978 đồng |
| c. Giá trị đề nghị thanh toán: | 461.284.293 đồng” |

Ngoài ra, tại các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 10/1/2017; ngày 31/12/2017; ngày 31/12/2018 của Ban QLDA nhà máy N gửi Công ty L đều có xác nhận:

“2. Số tiền chúng tôi còn phải trả quý Công ty là: 461.284.293 đồng

Kính đề nghị quý vị đối chiếu, xác nhận phần số dư vào cuối thư và gửi lại cho chúng tôi 01 bản ...”.

Như vậy, tại Công văn số 101/A ngày 15/12/2017 của Công ty CP L gửi Tổng công ty G cũng như tại các Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ của Ban QLDA nhà máy N gửi Công ty L thì cả 2 bên đều thừa nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là:

461.284.293 đồng và không nhắc đến lãi phạt do chậm trả. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu nào chứng minh nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi theo lãi suất ngân hàng nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi phạt với bị đơn không phù hợp với điểm a khoản

1 Điều 294, Điều 300 Luật thương mại nên không được chấp nhận. Do đó điều 294 quy định về các trường hợp được miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm thì:

“1. Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận;”

Mặt khác, ngày 09/11/2017 nguyên đơn đã khởi kiện vụ án đến Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là 660.789.749 đồng; trong đó nợ gốc: 461.284.293 đồng; nợ lãi: 199.505.456 đồng. Nhưng đến ngày 31/12/2017 vẫn xác nhận công nợ với bị đơn hiện còn nợ là 461.284.293 đồng, như vậy nguyên đơn mặc nhiên công nhận giữa hai bên có thỏa thuận không thưởng, phạt hợp đồng. Hơn nữa ngày 21/4/2018, nguyên đơn cũng tiếp tục nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án giải quyết theo thẩm quyền và yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là: 1.199.880.580 đồng trong đó; nợ gốc: 461.284.293 đồng; Nợ lãi: 738.596.287 đồng nhưng đến ngày 31/12/2018 nguyên đơn vẫn ký xác nhận chốt công nợ với bị đơn chỉ với số tiền còn phải trả là 461.284.293 đồng. Do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí:

3.1. L phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận số tiền lãi phạt yêu cầu tại phiên tòa là 272.042.413 đồng. Án phí phải chịu là 13.602.000 đồng và được hoàn lại một phần án phí đã nộp,

3.2. Tổng công ty G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn, cụ thể án phí là: 23.064.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 147; Điều 184, Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 294, Điều 300, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại 2005;
- Điều 688, Điều 380, Điều 351, Điều 355, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty CP L đối với Tổng công ty G về việc: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kinh tế.

2. Buộc Tổng công ty G phải thanh toán cho Công ty CP L số tiền nợ gốc còn thiếu theo Hợp đồng kinh tế số 100/HĐ-XD ngày 05/11/2007 là: **461.284.293 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng);**

3. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty CP L đối với Tổng công ty G.

4. Về án phí:

Công ty CP L phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.602.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.447.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002897 ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Công ty CP L được nhận lại 15.845.000 đồng.

Tổng công ty G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 23.064.000 đồng.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn xin thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh A

